

Số: 17/2021/QĐST - KDTM

Diễn Châu, ngày 02 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 03 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLST - KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Số 77 đường TH, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Khắc T – Chức vụ: Chuyên viên cấp 1 Miền Trung, Trung tâm xử lý nợ tại miền Trung, trực thuộc Ban QL&XLN CVĐ.

(Theo giấy uỷ quyền số 386/UQ-TGD ngày 29/10/2019 của tổng giám đốc ngân hàng SHB)

Địa chỉ: Tòa nhà TECHCO số 215, đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt

- Bị đơn: Ông Bùi Thái Q, sinh năm 1979 và bà Trương Thị X, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Xóm P, xã K, huyện D, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ phải trả: Nguyên đơn ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Bùi Thái Q và bà Trương Thị X phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền

626.666.559 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 119.358.117 đồng và tiền lãi quá hạn là 57.308.442 đồng, tính đến ngày 26/3/2021. Kể từ ngày tiếp theo ngày 26 tháng 3 năm 2021, ông Bùi Thái Q và bà Trương Thị X phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 529/2017/HĐTDNH-CN/SHB.120203 ngày 11/12/2017 cho đến khi thanh toán xong hoàn toàn số nợ

2.2. Về xử lý tài sản đảm bảo: Ngân hàng SHB thống nhất cho ông Bùi Thái Q và bà Trương Thị X được tự bán tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 163, tờ bản đồ số 105-65 (thửa mới số 80, tờ bản đồ 17), diện tích 838,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 971869 do UBND huyện D cấp ngày 01/11/2017 mang tên ông Bùi Văn H. Ông Bùi Văn H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bùi Thái Q và bà Trương Thị X, địa chỉ thường trú tại xã Diễn Kim, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An ngày 22/11/2017. Địa chỉ thửa đất: Xóm P, xã K, huyện D, Nghệ An để thanh toán các khoản nợ cho ngân hàng. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 31/3/2021 đến ngày 30/6/2021, hết thời hạn trên nếu ông Bùi Thái Q và bà Trương Thị X không bán được tài sản và không trả được nợ cho Ngân hàng SHB thì Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện D kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 163, tờ bản đồ số 105-65 (thửa mới số 80, tờ bản đồ 17), diện tích 838,5 m²; địa chỉ tại: Xóm P, xã K, huyện D, tỉnh Nghệ An theo hợp đồng thế chấp số 529/2017/HĐTC-CN/SHB.120203 ngày 11/12/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Sau khi phát mại tài sản thế chấp nếu chưa đủ số tiền trả nợ cho Ngân hàng thì buộc ông Q, bà X tiếp tục thực hiện việc trả nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP S.

2.3. Về án phí:

Nguyên đơn ngân hàng TMCP S và bị đơn ông Bùi Thái Q, bà Trương Thị X thống nhất thỏa thuận: Ông Bùi Thái Q và Trương Thị X phải chịu 14.533.331 đồng (Mười bốn triệu năm trăm năm ba nghìn, ba trăm ba một đồng) án phí kinh doanh thương mại.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 13.933.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2020/0001839 ngày 23/12/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS huyện D;
- Chi cục THA huyện D;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Đình Lâm